

Describe Changes

CẤU TRÚC CÂU THƯỜNG DÙNG

- *Cấu trúc cơ bản:*
 - Chủ ngữ + Động từ + Trạng từ + số liệu + mốc thời gian
Ví dụ: Doanh số tăng mạnh lên 200 triệu đơn vị vào năm 2010.
- *Dạng danh từ hóa:*
 - Chủ ngữ + saw its + danh từ + động từ + trạng từ + số liệu + thời gian
Ví dụ: Công ty đã chứng kiến doanh thu của mình tăng đều đặn lên 200 triệu vào năm 2010.
- *There was...:*
 - There + to be + tính từ + danh từ + số liệu + thời gian
Ví dụ: There was a sharp increase in sales in 2010.
- *Dẫn bằng thời gian:*
 - In/Over/During... + witnessed/saw/underwent + tính từ + danh từ
Ví dụ: Năm 2010 đã chứng kiến sự sụt giảm mạnh trong lượng tiêu thụ điện.

TỪ VỰNG THEO XU HƯỚNG

1. Xu hướng tăng (Increasing trend)

<i>Từ cơ bản</i>	<i>Từ nâng cao</i>
Increase	Soar, Rocket
Rise	Jump, Boom
Go up	Bounce back (hồi phục sau giảm)
Grow	Double (tăng gấp đôi)

2. Xu hướng giảm (Decreasing trend)

Từ cơ bản	Từ nâng cao
<i>Decrease</i>	<i>Plummet, Collapse</i>
<i>Fall</i>	<i>Dive, Halve (giảm 1 nửa)</i>
<i>Go down</i>	<i>Slump</i>
<i>Drop</i>	

3. Không thay đổi (No change)

- *Stay unchanged*
- *Remain stable / constant / steady*
- *Maintain*
- *Reach a plateau (đạt mức ổn định)*

4. Biến động (Fluctuate)

- *Fluctuate (dao động)*
- *Oscillate (dao động mạnh – học thuật hơn)*

5. Đạt điểm cao/thấp

- *Reach a peak / highest point*
- *Reach a bottom / nadir (nadir = đáy, trang trọng hơn)*

TÍNH TỪ/TRẠNG TỪ CHỈ MỨC ĐỘ BIẾN ĐỘNG

Biến động mạnh (mức độ lớn):

- Dramatic(ally)
- Significant(ly)
- Considerable(y)
- Substantial(ly)
- Sharp(ly)
- Abrupt(ly)
- Rapid(ly)

Biến động nhẹ (mức độ nhỏ):

- Slight(ly)
- Gradual(ly)
- Marginal(ly)
- Minimal(ly)

CHỦ NGỮ THƯỜNG GẶP

Khi nói về tỷ lệ, phần trăm:

- The percentage of
- The proportion of
- The rate of

Khi nói về số liệu khác:

- The number of (danh từ đếm được)
- The amount of / quantity of (danh từ không đếm được)
- The figure for / of (linh hoạt)

THỜI GIAN

- From ... to ...
- Between ... and ...
- Over a period of ... years
- In + năm
- During the first/next/final ... years

Với dữ liệu tương lai → dùng động từ dự đoán như:

will, is expected to, is predicted to, is estimated to, is anticipated to

Ví dụ: Sales **are predicted to** increase significantly by 2030.

HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI

1. Mở bài (Introduction)

- The given chart/graph/table illustrates/shows/compares/provides information about...
- Diễn đạt lại đề bài bằng cách **paraphrase**.

2. Tổng quan (Overview)

- Dùng các cụm: *Overall, In general, It is clear that...*
- Nhấn mạnh 2 đặc điểm nổi bật nhất (không cần số liệu):
 - Xu hướng chính (tăng, giảm)
 - Mức cao nhất/thấp nhất

Ví dụ:

Overall, the production of coal decreased significantly, while natural gas experienced a steady increase.

3. Thân bài (Body paragraphs)

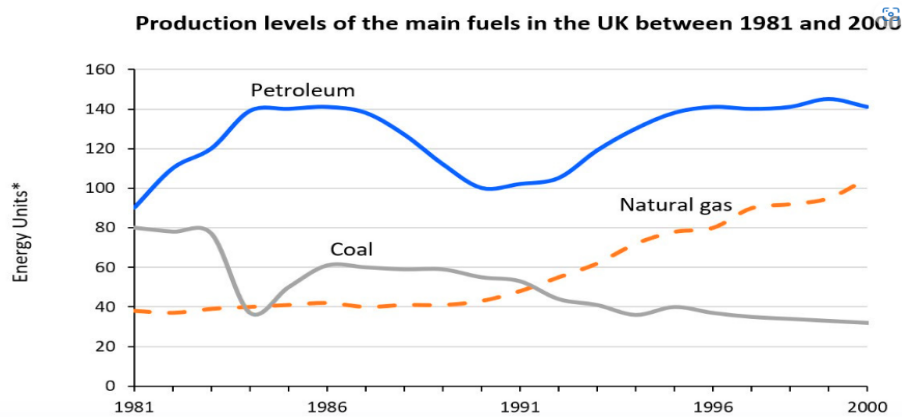
- Dùng các từ nối:
 - *Regarding..., In contrast, Meanwhile, When it comes to...*
- Phân tích chi tiết theo từng đối tượng, giai đoạn.

You should spend about **20 minutes** on this task.

The graph below shows the production levels of the main kinds of fuel in the UK between 1981 and 2000.

Summarize the formation by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant.

You should write **at least 150 words**.



The line graph illustrates the production levels of three main types of energy sources in the United Kingdom from 1981 to 2000, measured in energy units.

Overall, over the 20-year period, the production of coal declined significantly, falling to nearly half its original level, while the figures for petroleum and natural gas generally showed an upward trend.

In terms of coal production, the figure remained stable at around 80 energy units for the first two years. In the following year, it dropped sharply to 40 units. It then rose slightly to 60 units before gradually declining to just under 40 units over the next 14 years.

In contrast, petroleum production rose to 140 units between 1981 and 1984 and then remained steady for the next three years. From 1987 to 1990, the figure decreased to 100 units. In the final eight years, it increased slightly, reaching just over 140 units by 2000. Similarly, the production of natural gas remained steady at around 40 units from 1981 to 1990, before rising sharply and peaking at approximately 100 energy units in 2000.